TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/11/2019
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị G và anh O)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Dương.
2. Bà Tạ Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HT, xã ĐL, huyện T1, Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn HLN, xã ĐL, huyện T1, Thái Bình (chị G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn O, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn HT, xã ĐL, huyện T1, Thái Bình (anh O vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị G trình bày:

Chị và anh Trần Văn O, sinh năm 1986, có địa chỉ tại thôn HT, xã ĐL, huyện T1, Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2012 được Uỷ ban nhân dân xã ĐL, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, chị G không có khả năng sinh con nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn O.

Về con chung, chị và anh O không có con chung, hiện nay chị G không mang thai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Trần Văn O thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh O không đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2019 tại gia đình anh Trần Văn O, sinh năm 1986, có địa chỉ tại thôn Hưng Thịnh, xã ĐL, huyện T1, Thái Bình; ông Trần Văn K, sinh năm 1939 (ông K là bố đẻ anh Trần Văn O) trình bày:

Ông là bố đẻ anh TrầnVăn O. Theo ông, anh O và chị G tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã ĐL, huyện T1. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà chồng. Hai vợ chồng chưa có con chung, mâu thuẫn của hai vợ chồng anh O và chị G ông không nắm được cụ thể. Con trai ông là anh O đang làm việc ở nhà máy sứ trên huyện. Anh O và gia đình có nhận được thông báo thụ lý và giấy báo của Tòa án, tuy nhiên do bận công việc nên không lên Tòa án được. Gia đình ông có biết việc chị G có đơn xin ly hôn với anh O, việc này không ai mong muốn, tuy nhiên gia đình ông giữ người ở chứ không giữ người đi. Nếu chị G cố tình xin ly hôn thì gia đình ông và anh O cũng đồng ý. Biên bản có chữ ký của ông K, công an viên và xác nhận của Trưởng Công an xã ĐL.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh TrầnVăn O. Về con chung, chị G và anh O không có con chung, hiện nay chị G không mang thai nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị G vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Văn O vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và anh O.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị G và anh TrầnVăn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị G cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi

kết hôn, G chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, chị G không có khả năng sinh con nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

[2.2] Chị G có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh O không đến Tòa án. Qua gia đình, anh O thể hiện không muốn ly hôn, nhưng nếu chị G kiên quyết ly hôn thì anh O cũng đồng ý, anh O cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị G và anh O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh TrầnVăn O.

[3] Về con chung: Chị G và anh O không có con chung, hiện nay chị G không mang thai nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị O số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh Trần Văn O.

2. Về con chung:

Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Vũ Thị G phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị G đã nộp theo Biên lai số 0009286 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chị Vũ Thị G đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã Đông Long;
- Lưu hồ sơ.

Đồng Ngọc Huyền